

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v tranh chấp “hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;
2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HN ngày 12/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ Tr, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp Phú T, xã Phú Th, huyện PT, tỉnh An Giang, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông LIAO CHIA L, sinh năm 1971, nơi cư trú: Khóm 001, phường QK, thị trấn ĐL, huyện GN, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Tr trình bày:

Bà và ông LIAO CHIA L do mai mối, quen nhau và tự nguyện đăng ký, được Ủy ban nhân dân huyện PT cấp giấy chứng nhận kết số 26 ngày 08/12/2017. Sau khi kết hôn, ông LIAO CHIA L bảo lãnh bà sang Đài Loan sống chung. 01 tháng sau đã phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ngôn ngữ, ông L đối xử không tốt. Bà về Việt Nam vào tháng 5/2018 đến nay và không liên lạc được ông LIAO CHIA L, nay khởi kiện ly hôn ông L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông LIAO CHIA L đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 15-01-2021 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự LIAO CHIA L nhưng đến nay ông L vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do bà Trinh xin vắng mặt và ông LIAO CHIA L vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố lý do nguyên đơn vắng mặt và đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ghi ngày 04/11/2020.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án nguyên đơn kiện bị đơn ly hôn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn cư trú Việt Nam, bị đơn cư trú tại Khóm 001, phường QK, thị trấn ĐL, huyện GN, Đài Loan. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 04/11/2020; bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 15-01-2021 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự LIAO CHIA L nhưng đến nay ông L vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thông qua sự giới thiệu của người thân, nguyên đơn và bị đơn đã tìm hiểu, yêu thương nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện PT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 08/12/2017, được công nhận là hôn nhân.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn phát sinh từ bất đồng về ngôn ngữ, chồng đối xử không tốt nên bà Trinh quyết định về Việt Nam vào tháng 5/2018 đến nay. Hai ông, bà không thư từ hay điện thoại qua lại nhau trong thời gian dài. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn bị đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho bà Trinh và ông L. Xét, chấp nhận theo yêu cầu được ly hôn của bà Trinh đối với ông LIAO CHIA L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà Lê Thị Mỹ Tr xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung bà Lê Thị Mỹ Tr và ông L trong thời kỳ hôn nhân thì bà Trinh và ông L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp, bà Lê Thị Mỹ Tr phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Lê Thị Mỹ Tr.

1. Bà Lê Thị Mỹ Tr được ly hôn ông LIAO CHIA L

Giấy chứng nhận số 26 ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ Tr xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung bà Trinh và LIAO CHIA L trong thời kỳ hôn nhân thì bà Trinh và ông L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005793 ngày 02/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trinh đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị Mỹ Tr phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0007411 ngày 04/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Lê Thị Mỹ Tr đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Bà Lê Thị Mỹ Tr được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thời hạn kháng cáo của ông LIAO CHIA L là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân nhân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân huyện PT;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – THA;
- Tòa Gia đình và Người chưa thành niên;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Hồng